

NGHỊ QUYẾT

Về điều chỉnh, bổ sung một số mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Thái Nguyên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ NĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng các địa phương năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030 để thực hiện Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương, Nghị quyết số 25/2026/QH16 của Quốc hội và Nghị quyết số 109/NQ-CP của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 271/TTr-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị bổ sung một số mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh, bổ sung một số mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 tại Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025; mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên năm 2026 và Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 04 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về điều chỉnh một số mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên năm 2026; điều chỉnh, bổ sung một số mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030 tại Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

1. Các chỉ tiêu điều chỉnh, bổ sung

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giai đoạn 2026 - 2030	Mục tiêu năm 2026
I	VỀ KINH TẾ			
1	Tốc độ tăng trưởng các khu vực kinh tế			
1.1	Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	≥ 4	4

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giai đoạn 2026 - 2030	Mục tiêu năm 2026
1.2	Khu vực công nghiệp và xây dựng	%	$\geq 12,1$	13,83
	- Công nghiệp	%	12,5	14,22
	<i>Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo</i>	%	13,55	15,25
	- Xây dựng	%	10,52	11,02
1.3	Khu vực dịch vụ	%	$\geq 9,5$	10,5
	<i>Trong đó:</i>			
	- Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô,...	%	13,5	14,42
	- Vận tải, kho bãi	%	12	12,5
	- Dịch vụ lưu trú và ăn uống	%	6	4,54
	- Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	%	9	9,13
	- Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ	%	11,2	11,2
1.4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	≥ 6	7,11
2	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đến năm 2030	%	47	35,69
3	Giá trị tăng thêm ngành chế biến, chế tạo bình quân đầu người	USD	2.920	1.810
4	Tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%	15	18,5
5	Tăng trưởng giá trị kim ngạch nhập khẩu	%	16,5	20
6	Tăng trưởng bình quân ngành công nghiệp văn hóa	%	10	5
7	Số lượt khách quốc tế do các cơ sở lưu trú phục vụ	Triệu lượt	≥ 1	0,36
8	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo/tổng số doanh nghiệp trên địa bàn đến năm 2030	%	≥ 40	25
9	Tăng trưởng điện thương phẩm bình quân	%	7,64	8,18
10	Số doanh nghiệp đang hoạt động đến năm 2030	Nghìn doanh nghiệp	36	15
11	Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030	%	> 55	48,26
II	VỀ VĂN HÓA, XÃ HỘI			
12	Tỷ lệ lao động có kỹ năng công nghệ thông tin đến năm 2030	%	90	70
13	Tỷ trọng quy mô đào tạo các ngành STEM	%	40	40
14	Tỷ lệ đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động đến năm 2030	%	50	22
15	Tỷ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe hằng năm	%	100	100

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giai đoạn 2026 - 2030	Mục tiêu năm 2026
III	VỀ MÔI TRƯỜNG, THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU			
16	Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông	%	45	40
17	Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường	%	98	94
18	Tỷ lệ doanh nghiệp công nghiệp áp dụng giải pháp tiết kiệm năng lượng tiết kiệm, hiệu quả đến năm 2030	%	100	100

2. Các nội dung khác giữ nguyên theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025; mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên năm 2026; Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 04 tháng 02 năm 2026 về điều chỉnh một số mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên năm 2026; Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, triển khai thực hiện hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Thái Nguyên theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XV, Kỳ họp thứ năm thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XV;
- Các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Bùi Văn Lương

